

「ベトナム・フエ展関連資料の展示」

岐阜県とベトナム トゥアティエン＝フエ省の文化交流の一環として、同省総合図書館と令和2年(2020年)から交流を行っています。海外情報コーナーにもベトナム・フエ省コーナーがありますので、ぜひご覧ください。

(岐阜県図書館での展示期間: 令和7年1月5日～1月19日)



ベトナム・フエ展関連資料一覧

No.	書名	著者名	出版者名	出版年	分類	資料コード
1	東南アジアの文化遺産とミュージアム	徳澤 啓一／編 山形 眞理子／編	雄山閣	2023.6	069 ト	8135545163
2	ベトナムのカオダイ教 新宗教と20世紀の政教関係	北澤 直宏／著	風響社	2021.2	169.2 キ	8135302147
3	フエ ベトナム都城と建築	伊藤 毅／編	中央公論美術出版	2018.3	223.1 フ	8134910432
4	ダナン・ホイアン・フエ 増補改訂版	隅野 史郎／著	東京ニュース通信社	2023.3	292.31 ス	8135517730
5	まっぶるWORLD ベトナム		昭文社	2024.3	292.31 ベ	8135655700
6	るるぶベトナム ホーチミン・ハノイ・ダナン ※館内のみ		JTBパブリッシング	2024.9	292.31 ル	8135657929
7	道を歩けば、神話 ベトナム・ラオスつながりの民族誌	櫻永 真佐夫／著	左右社	2023.11	382.2 カ	8135565774
8	<伝統医学>が創られるとき	小田 なら／著	地域研究叢書	2022.3	498.02 オ	8135378771
9	ヨヨナムのベトナム料理	植松 良枝／著	文化学園文化出版局	2020.10	596.2 ウ	8135231410
10	モダン・ベトナムミーズ	鈴木 珠美／著	KTC中央出版	2021.7	596.2 ス	8135332914
11	ベトナムのまちごはんバインミー	有我 エリ／著	イカロス出版	2023.9	596.6 ア	8135553441
12	「世界で生きる」は、こんなに面白い!	安倉 宏明／著	スタブロボックス	2023.3	673.9 ヤ	8135578880
13	社会主義ベトナムのオペラ	加納 遙香／著	彩流社	2024.2	766.1 カ	8135599100
14	ゼロから1人でベトナム語 読む!書く!聞く!話す!	寺田 雄介／著 欧米・アジア語学センター／著	あさ出版	2022.1	829.3 ゼ	8135378996
15	くわしく知りたいベトナム語文法	田原 洋樹／著	白水社	2023.2	829.3 タ	8135479139
16	つながるベトナム語会話	田原 洋樹／著	白水社	2022.9	829.3 タ	8135433158
17	枯葉剤の傷跡をみつめて	坂田 雅子／著	花伝社	2024.1	916 サ	8135587010
18	[ベトナム語]Bạn voi đi dạo (ぞうくんのさんぽ)	Nakano Hiroataka	Nhà xuất bản: Nxb Thế giới	2023	E11 NA	8134083289
19	ぼくはひとりで	フン・グエン・クアン／作・絵 フイン・キム・リエ／作・絵	富山房インターナショナル	2021.4	E12 フ	8135356710
20	現地取材!世界のくらし 9 ベトナム	小原 佐和子／文・写真 古田 元夫／監修	ポプラ社	2020.4	J29 ゲ	8141924527
21	世界の国からいただきます!	岡根谷 実里／監修	徳間書店	2023.2	J38 ミ	8135493512
22	おいしいごはんとおまいコーヒー	片川 優子／作 鎌川 まつり／絵	講談社	2022.1	J50 カ	8135386880
23	6カ国語のわくわく絵ずかん アジア編	齋藤 ひろみ／監修	ほるぷ出版	2022.3	J80 口	8135399762
24	かこさとし童話集 9 世界のおはなし(その1)	かこ さとし／作・絵	偕成社	2024.3	J913 カ	8135609091
25	たいせつなうちわ	ブイ・ドク・リエ／脚本・絵	童心社	2008.1	C1 ブ	8133562245

ベトナム・フエ省総合図書館からの寄贈資料 ※書名の()は、日本語直訳したタイトルです。

No.	書名	著者名	出版者名	出版年	分類	資料コード
26	[ベトナム語] Di tích Lịch Sử-văn hóa đã được xếp hạng trên địa bàn (トゥアティエン・フエ省で登録された歴史・文化遺産)	Sở văn hóa và thể thao Thừa Thiên Huế	Thuận Hóa	2022	223.1 DI	8141945400
27	[英語] Discovering the central region & central highlands heritage road (中部地方と中部高原の遺産街道の発見、観光ガイドブック)	Vietnam economic news	Ho Chi Minh city General publishing house	2005	292.09 DI	8141945410
28	[ベトナム語] Thừa Thiên - Huế (トゥアティエン・フエ省の新たな姿勢)	Công ty cổ phần thông tin kinh tế đối ngoại	Chính trị quốc gia	2004	302.2 TH	8141944468
29	[ドイツ語] Vietnam stellt sich vor (ベトナムの紹介)	Mai Lý Quảng	Thế giới	2005	302.2 VI	8141944477
30	[英語] Vietnamese customs and practices (ベトナムの習慣と伝統)	Phan Ke Binh	Literature Publishing house	2022	382.2 PH	8141945385
31	[ベトナム語] Huế - kinh đô áo dài Việt Nam (フエ-ベトナムのアオザイの都)	Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế	Thuận Hóa	2022	383.1 HU	8141944403
32	[フランス語] Histoires drôles du peuple vietnamien (ベトナム人の愉快な民話)	TRADUCTION: LOUIS SIZARET	Thế giới	2003	388.2 HI	8141944459
33	[ベトナム語] Lai rai món Huế (フエのグルメ)	Thanh Tùng	Thuận Hóa	2013	596.2 TH	8141945429
34	[ベトナム語] Ca Huế - di sản phi vật thể quốc gia (フエの民謡「カーフエ」-国家の無形文化遺産)	Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế	Thuận Hóa	2022	767.5 CA	8141944440
35	[ベトナム語] Hình tượng Bác Hồ trong thơ ca dân gian Bình Trị Thiên (ビン・チー・チエン地域における民謡詩でのホー・チ・ミン氏の様子)	Trần Nguyên Khánh Phong	Thuận Hóa	2021	767.5 HI	8141945376
36	[ベトナム語] Khúc Hương Bình (Huong Binh集曲)	Sở Văn hóa và Thể thao TT.Huế.	Thuận Hóa	2021	767.5 KH	8141944397
37	[ベトナム語] Văn học dân gian Thừa Thiên Huế (トゥアティエン・フエの民謡文学の考察)	Lê Văn Chương	Trẻ	2010	767.5 LE	8141945367
38	[ベトナム語] 30 năm nghiên cứu văn hóa dân gian Thừa Thiên Huế (1991-2021) (トゥアティエン・フエの民謡文化に関する30年にわたる長期研究)	Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Thừa Thiên Huế	Thuận Hóa	2020	767.5 NA	8141945358
39	[ベトナム語] Nghiên cứu văn hóa dân gian Thừa Thiên Huế (トゥアティエン・フエの民謡文化の研究)	Hội Văn nghệ Dân gian TT.Huế.	Thuận Hóa	2022	767.5 NG	8141944495
40	[ベトナム語] Nghệ thuật ca Huế trong xã hội đương đại (現代社会におけるフエの民謡「カーフエ」の芸術)	Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế	Thuận Hóa	2022	767.5 NG	8141944430
41	[ベトナム語] Cố đô Huế - dấu ấn thời gian (フエ古都-時間の印)	Hồ Vinh	Đại học Huế	2021	904 CO	8141944501
42	[ベトナム語] Di sản, văn hoá & con người Thừa Thiên Huế (遺産・文化及びトゥアティエン・フエの人)	Tinh ủy Thừa Thiên Huế Ban Tuyên giáo	Thuận Hóa	2022	929.3 DI	8141944486
43	[ベトナム語] Từ Dụ Thái hậu 1 (トゥ・ズ皇太后 1巻)	Trần Thùy Mai	Phụ Nữ	2019	929.3 TR	8141944421
44	[ベトナム語] Từ Dụ Thái hậu 2 (トゥ・ズ皇太后 2巻)	Trần Thùy Mai	Phụ Nữ	2019	929.3 TR	8141944412
45	[ベトナム語] Thơm xứ Thần Kinh (古都の香り)	Trang Thùy	Thuận Hóa	2021	929.3 TR	8141945394

【ベトナム トゥアティエン＝フエ省の魅力】

古都フエ最大の見どころは、グエン王朝の栄華を物語る壮麗な王宮や寺院、歴代皇帝の帝陵からなり、ベトナム初の世界遺産として登録されている「フエの建造物群」。他にも、ペーパーフラワーに代表される伝統工芸や、名物にブンボーフエをはじめとする豊かな食文化など、ベトナムの格式を文化香る古都の多彩な魅力にあふれています。

岐阜県図書館1階の楽書交流サロンでは「ベトナム フエ展」を開催しています。写真パネルや伝統工芸品をぜひご覧ください。